UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 506 /QĐ-SNN&PTNT	*Thanh Hóa, ngày 20 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
V/v nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nội vụ: số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; Điều 1, Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thuỷ sản tại Công văn số 1253/CCTS-HCTH ngày 01/9/2021 và đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các ông, bà có tên sau thuộc Chi cục Thuỷ sản

Số TT	Họ và tên	Ngạch, bậc, HS, TNVK hiện hưởng					Bậc, HS lương, TNVK mới				Thời gian được hưởng và tính nâng bậc lương lần sau
		Mã ngạch	Bậc	Hệ số	TN VK	HS CL bảo lưu	Bậc	Hệ số	TN VK	HS CL bảo lưu	
1	Lê Xuân Thắng	01.003	7	4,32			8	4,65			01/02/2021
2	Lê Văn Sáng	01.003	5	3,66			6	3,99			01/11/2021
3	Ngô Văn Minh	01.003	8	4,65			9	4,98			01/01/2022
4	Trịnh Văn Thục	01.003	6	3,99			7	4,32			01/01/2022
5	Hồ Tuấn Anh	01.003	7	4,32			8	4,65			01/4/2021
6	Lê Gia Phương	01.003	5	3,66			6	3,99			01/3/2021
7	Bùi Xuân Hà	01.003	5	3,66			6	3,99			01/3/2021
8	Lê Thị Hương	01.003	4	3,33			5	3,66			01/5/2021
9	Nguyễn Ngọc Uyên	01.003	3	3,00			4	3,33			01/01/2021
10	Trương Minh Hiệu	06.031	1	2,34			2	2,67			01/3/2021
11	Trần Văn Đức	01.003	9	4,98	5%		9	4,98	6%		01/11/2021
12	Nguyễn Văn Viện	25.314	12	4,06	8%	0,11	12	4,06	9%	0,11	01/01/2022
13	Lê Xuân Hảo	25.314	12	4,06	8%	0,11	12	4,06	9%	0,11	01/01/2022
14	Lê Văn Tuấn	01.005	12	4,03	8%	0,1	12	4,03	9%	0,1	01/01/2022

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở, Chi cục trưởng Chi cục Thuỷ sản; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên có liên quan và các ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Cao Văn Cường